

THỰC TRẠNG THU NHẬP - CHI TIÊU VÀ PHÂN HÓA GIÀU NGHÈO CỦA DÂN CƯ TỈNH BẮC NINH QUA 4 KỲ ĐIỀU TRA MỨC SỐNG DÂN CƯ

*Khổng Văn Thắng**

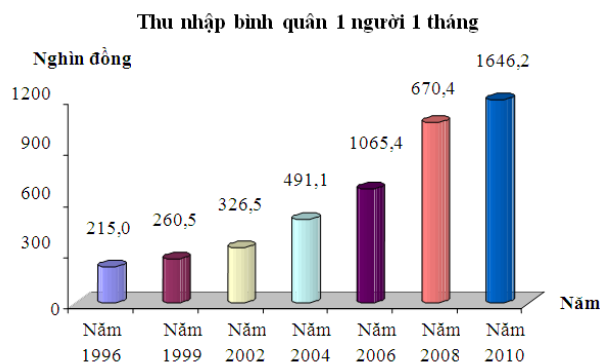
Tỉnh Bắc Ninh nằm trong khu vực Đồng bằng sông Hồng, có diện tích tự nhiên nhỏ nhất trong cả nước với 822,7 km². Bắc Ninh nằm trong tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, lại tiếp giáp với thủ đô Hà Nội, hệ thống giao thông nội bộ và liên kết với các trung tâm kinh tế đang được mở rộng, nâng cấp theo hướng hiện đại. Đây là những yếu tố thuận lợi để Bắc Ninh cất cánh phát triển. Sau 14 năm tái lập, những tiềm năng nội lực đã được Bắc Ninh phát huy mạnh mẽ, tạo lập môi trường hấp dẫn thu hút các nguồn lực bên ngoài thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh đang phát triển nhanh và toàn diện. Nhịp độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) bình quân mỗi năm 15,26%; trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 19,15%; khu vực dịch vụ tăng 18,3% và khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,93%. Tốc độ tăng GDP qua các năm luôn cao và khá ổn định, kể cả những năm có nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu và thiên tai như năm 2008 và 2009. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ trọng GDP trong khu vực công nghiệp - xây dựng tăng nhanh từ 49,52% năm 2005 lên 66,11% năm 2010. Trong

Trong năm 2010, thu nhập bình quân 1 người 1 tháng chung cả tỉnh theo giá hiện hành đạt 1.646,2 nghìn đồng, tăng 54,5% so với năm 2008, tăng bình quân 24,3%/ năm trong thời kỳ 2008-2010: Tương ứng, bình quân mỗi năm của từng thời kỳ 2002-2004, 2004-2006, 2006-2008 là

khi đó, tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm đáng kể, từ 21,31% xuống còn 10,45%. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh liên tục tăng với nhịp độ cao. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2010 đạt 5.332,4 tỷ đồng, tăng 3,9 lần so với năm 2006, tăng bình quân 41,37%/năm. Kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao. GDP, cũng như thu nhập bình quân đầu người đều tăng lên rõ rệt. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh từ 11,33% năm 2006 xuống còn 4,5% năm 2010, xếp vào diện thấp trong cả nước. Điều này được minh chứng cụ thể qua kết quả 4 kỳ điều tra thống kê về mức sống dân cư gần đây (năm 2004, 2006, 2008 và 2010).

1. Thực trạng thu nhập của dân cư Bắc Ninh

Trong những năm qua, kinh tế của Bắc Ninh liên tục tăng trưởng với tốc độ cao nên thu nhập của hầu hết các hộ gia đình trong tỉnh cũng được nâng lên và cải thiện rõ rệt. Điều này, được phản ánh xu hướng tăng mức thu nhập bình quân đầu người 1 tháng thông qua kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình các năm (xem đồ thị).



*Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh

22,6%, 16,7% và 26,2%. Tính chung, mức tăng thu nhập của cả thời kỳ 2002-2010 của Bắc Ninh là 22,4%/năm, cao hơn 2% so với 20,5%/năm của khu vực Đồng bằng sông Hồng và cao hơn 4% so với 18,5%/năm của cả nước. Mức tăng thu nhập thực tế (thu nhập sau khi loại trừ yếu tố tăng giá) thời kỳ 2008-2010 tăng 14,4%/năm và cả thời kỳ 2002-2010 là 10,6%/năm, chậm hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) cùng thời kỳ của tỉnh (cả nước chỉ tiêu này là 8,6%/năm).

Thu nhập của dân cư tăng nhanh cả ở khu vực thành thị, nông thôn và ở tất cả các nhóm thu nhập. Năm 2010 thu nhập bình quân 1 người 1 tháng ở khu vực thành thị đạt 2.279,3 nghìn đồng tăng 22,1%; khu vực nông thôn đạt 1.444,5 nghìn đồng tăng 53,1% so năm 2008. Thu nhập khu vực thành thị gấp 1,58 lần so khu vực nông thôn. Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng của nhóm hộ

nghèo nhất (nhóm thu nhập 1) đạt 534,4 nghìn đồng, tăng 42,0%, của nhóm hộ giàu nhất (nhóm thu nhập 5) đạt 3.899,5 nghìn đồng, tăng 48,3% so với năm 2008. Tốc độ tăng thu nhập năm 2010 của hộ dân cư chủ yếu do tốc độ tăng từ công việc hưởng tiền lương, tiền công và công việc tự làm thương mại và dịch vụ.

Trong nhiều năm qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Bắc Ninh đều cao hơn của cả nước và của vùng Đồng bằng sông Hồng; vì thế mức tăng thu nhập hộ gia đình cũng tăng nhanh hơn. Năm 2002 thu nhập của dân cư Bắc Ninh còn thấp hơn so với bình quân chung của cả nước và của vùng Đồng bằng sông Hồng. Nhưng đến năm 2004, đã đạt tương đương và từ năm 2006 đến nay mỗi năm một cao hơn so với cả nước và của vùng Đồng bằng sông Hồng (Biểu 1)

Biểu 1. Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng

Đơn vị tính: 1000 đồng

	2002	2004	2006	2008	2010
Bắc Ninh	327	491	669	1.065	1.646
Cả nước	356	484	637	995	1.387
Vùng đồng bằng Sông Hồng	353	448	653	1.049	1.568
Hà Nội	621	807	1.050	1.720	2.013
Hải Phòng	410	539	720	1.199	1.694
Hà Tây	313	415	580	876	-
Vĩnh Phúc	265	404	540	872	1.232
Hải Dương	301	451	609	925	1.307
Hưng Yên	297	430	556	828	1.199
Hà Nam	259	357	501	740	1.150
Nam Định	280	405	527	855	1.238
Thái Bình	283	382	514	779	1.129
Ninh Bình	258	370	509	761	1.203

Do cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa đã làm cho cơ cấu nguồn thu nhập của dân cư theo ngành kinh tế thay đổi: Tỷ trọng thu nhập từ nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 28,94%

năm 2002 xuống còn 11,54% năm 2010. Thu nhập từ công nghiệp và dịch vụ tăng từ 27,88% năm 2002 lên 42,96% năm 2010. Cơ cấu nguồn thu nhập chuyển dịch thuận chiều với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động. Đây là sự chuyển dịch thu nhập theo hướng tích cực cần duy trì tốc độ ổn định và bền vững trong tiến trình CNH-HĐH trên địa bàn tỉnh.

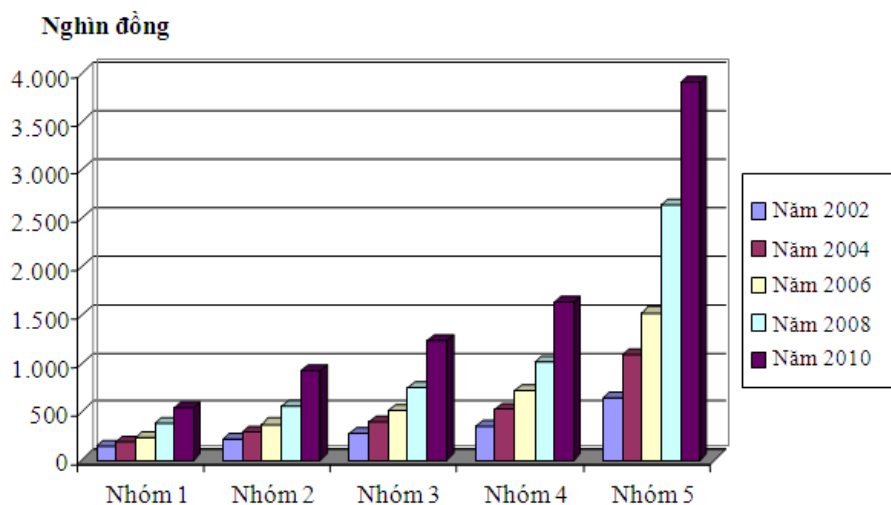
Biểu 2. Cơ cấu thu nhập bình quân 1 khẩu 1 tháng chia theo các khoản thu

Đơn vị tính: %

Năm	Tổng số	Chia theo nguồn thu nhập				
		Thu từ tiền công tiền lương	Thu từ SX nông, lâm, thủy sản	Thu từ SX công nghiệp XD	Thu từ hoạt động dịch vụ	Thu khác
2002	100,00	27,68	28,94	11,49	16,39	15,50
2004	100,00	25,58	22,83	18,49	14,31	18,79
2006	100,00	25,99	18,67	18,16	16,40	20,78
2008	100,00	26,31	16,45	29,47	14,36	13,41
2010	100,00	34,01	11,54	19,60	23,36	11,51

Mức thu nhập bình quân chung và bình quân của mỗi nhóm thu nhập đều tăng lên sau mỗi năm song tốc độ tăng của nhóm có thu nhập cao nhanh hơn so với nhóm có thu nhập thấp. Năm 2010 so với năm 2008 thu nhập của nhóm hộ nghèo nhất tăng 42,0%, nhóm giàu nhất tăng 48,3%.... Chính vì thế, khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo (giữa nhóm 5 và nhóm 1) vẫn tiếp tục xu hướng mở rộng: Năm 2002 là 4,5 lần, năm 2004 là 6,0 lần, năm 2006 là 6,8 lần, năm 2008 là 7,0 lần và năm 2010 là 7,3 lần (Xem biểu đồ).

Thu nhập bình quân theo 5 nhóm



2. Thực trạng chi tiêu trong dân cư tỉnh Bắc Ninh những năm qua

Chi tiêu theo giá hiện hành năm 2010 bình quân 1 người 1 tháng đạt 1.431,4 nghìn đồng, tăng 48,2% so với năm 2008, bình quân mỗi năm tăng 21,8%/năm và cả thời kỳ 2002-2010 là 23,4%/năm. Chi tiêu thực tế (chi tiêu sau khi loại trừ yếu tố tăng giá) thời kỳ 2008-2010 tăng 12,1% mỗi năm, cao hơn so 11,5% bình quân mỗi năm của thời kỳ 2002-2010. Như vậy, mức tăng chi tiêu thời kỳ 2002-2010 cao hơn 0,9% so với tốc độ tăng thu nhập (10,6%) cùng thời kỳ; đồng nghĩa với số tiền tích lũy hoặc để dành kỳ sau thấp hơn kỳ trước về số tương đối, song về số tuyệt đối vẫn tăng khá.

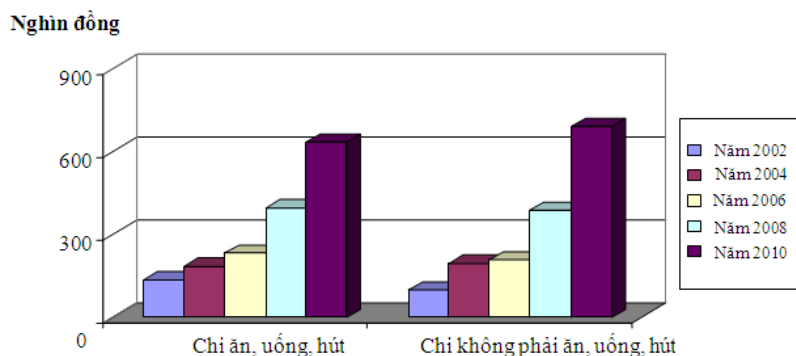
Mức thu nhập của hộ càng cao thì mức chi tiêu của hộ cũng càng cao, hộ có chủ hộ với trình độ cao chi tiêu cao hơn hộ có chủ hộ với trình độ thấp và nhóm hộ khu vực thành thị chi cao hơn khu vực nông thôn. Năm 2010 nhóm có thu nhập cao nhất chi tiêu bình quân 1 người 1 tháng là 1.983,4 ngàn đồng, gấp 2,4 lần nhóm có thu nhập thấp nhất; hộ khu vực thành thị chi 1.605,9 ngàn đồng 1 người 1 tháng gấp 1,7 lần nhóm hộ khu vực nông thôn.

Trong cơ cấu chi tiêu của người dân thì chi cho đời sống là phần chủ yếu (chiếm khoảng 90%), chi tiêu khác ngoài đời sống không lớn (thông thường khoảng 10% tổng chi tiêu của dân cư). Chi cho đời sống của dân cư Bắc Ninh từ kết quả điều tra cho thấy: Mức chênh lệch giữa thành

thị với nông thôn; giữa nhóm hộ giàu với nhóm hộ nghèo có xu hướng ngày càng thu hẹp lại. Năm 2010 chi tiêu cho đời sống bình quân đầu người 1 tháng ở khu vực thành thị là 1.466,6 nghìn đồng, tăng 32,2% so với năm 2008; khu vực nông thôn là 1.274,4 nghìn đồng, tăng 81,1% so năm 2008. Mức chênh lệch chi tiêu cho đời sống ở khu vực thành thị so với khu vực nông thôn là 1,2 lần (hệ số này năm 2008 là 1,6 lần; năm 2006 là 1,8 lần). Chi tiêu cho đời sống năm 2010 của nhóm hộ nghèo nhất tăng 47,1%; của nhóm hộ giàu nhất tăng 10,1% so với năm 2008. Chi tiêu cho đời sống của nhóm hộ giàu nhất cao gấp 2,3 lần của nhóm hộ nghèo nhất (hệ số này năm 2008 là 3,1 lần, 2006 là 2,8 lần).

Cơ cấu chi tiêu cho đời sống cũng có sự thay đổi qua các năm. Nếu như các năm trước, sản xuất mới tạm đủ để tiêu dùng, mức tích lũy thấp, thì chi tiêu cho đời sống chủ yếu dành cho ăn uống, còn chi tiêu ngoài ăn uống ít hơn nhất là nhóm hộ có thu nhập thấp. Khi thu nhập của người dân tăng cao, mức sống được cải thiện thì chi tiêu cho nhu cầu ăn uống tiếp tục tăng về số tuyệt đối, nhưng tỷ trọng giá trị trong tổng chi tiêu cho đời sống giảm dần. Tỷ trọng chi ăn uống trong chi tiêu đời sống là một chỉ tiêu đánh giá mức sống cao hay thấp. Tỷ trọng này càng cao thì mức sống càng thấp và ngược lại. Tỷ trọng này ở Bắc Ninh còn cao, nhưng đã có xu hướng giảm khá nhanh, từ 57,9% năm 2002, 52,9% năm 2006, 50,6% năm 2008 và năm 2010 giảm còn 47,9%.

Chi ăn, uống, hút và chi không phải ăn, uống, hút



Xét theo nhóm thu nhập thì mức chi về ăn, uống và hút của các hộ thuộc nhóm giàu là 856 nghìn đồng 1 người 1 tháng, chỉ gấp 2,1 lần so với nhóm nghèo; trong khi chi không phải ăn uống hút như: may mặc, ở, đi lại, mua sắm đồ dùng, chăm sóc sức khoẻ, giáo dục, văn hoá, du lịch... thì các hộ thuộc nhóm giàu chỉ tới 933 nghìn đồng gấp 2,6 lần nhóm nghèo: trong đó, chi giáo dục gấp 1,3 lần, chăm sóc sức khoẻ gấp 2,3 lần, chi về nhà ở, điện nước, vệ sinh gấp 2,7 lần; chi thiết bị và đồ dùng gia đình gấp 2,4 lần, chi đi lại và bưu điện gấp 3,5 lần và chi văn hoá thể thao giải trí gấp 7,8 lần.

Về khối lượng tiêu dùng các mặt hàng ăn uống có sự biến động qua các năm theo xu hướng của cơ cấu bữa ăn đủ năng lượng và hợp lý hơn. Lượng tiêu dùng về gạo bình quân một người một tháng giảm dần từ 12,38 kg năm 2002 xuống còn 12,07 kg năm 2004, 12,11 kg năm 2006, 11,83 kg năm 2008 và 9,46 kg năm 2010. Trong khi đó, lượng các mặt hàng tôm, cá, thịt, trứng, đỗ, lạc, vừng, đường, mật... sử dụng tăng hơn. Như cá, tôm tăng từ 0,42 kg lên 0,65; 0,70; 0,75; và 0,79

kg tương ứng với các năm 2002, 2004, 2006, 2008 và năm 2010.

Giữa thu nhập, tiêu dùng và tiết kiệm của hộ gia đình có mối quan hệ biện chứng với nhau, được biểu hiện: Thu nhập quyết định tiêu dùng và tiết kiệm, ngược lại có tiêu dùng mới tạo ra thu nhập và có tiền để dành; tiết kiệm để tìm cơ hội đầu tư làm tăng thu nhập.

Qua số liệu Biểu 3 cho thấy: Thu nhập của phần lớn hộ thuộc nhóm nghèo và trung bình chỉ đủ cân đối cho chi tiêu đời sống ăn uống hàng ngày và các khoản chi tiêu cần thiết khác phục vụ đời sống của các thành viên hộ gia đình, không có tiền để dành, còn những hộ thuộc nhóm khá và giàu mới giành được một khoản tiền cho việc tiết kiệm hoặc đầu tư tái sản xuất mở rộng. Tuy nhiên, tính chung tỷ lệ tiền tiết kiệm hoặc tái đầu tư cho sản xuất hàng năm của các hộ gia đình có xu hướng tăng lên. Năm 2010 bình quân một nhân khẩu tiết kiệm được 215 nghìn đồng, tăng gấp 2,2 lần năm 2008 (tăng cao hơn mức tăng thu nhập), bằng 13% thu nhập (tiền bán đất, tài sản máy móc của hộ không được tính là thu nhập).

Biểu 3. Thu nhập - Chi tiêu - Tiết kiệm

(Bình quân 1 người, 1 tháng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

5 nhóm thu nhập	2002			2004			2006			2008			2010		
	Thu nhập	Tiêu dùng	Tiền để dành	Thu nhập	Tiêu dùng	Tiền để dành	Thu nhập	Tiêu dùng	Tiền để dành	Thu nhập	Tiêu dùng	Tiền để dành	Thu nhập	Tiêu dùng	Tiền để dành
Chung	327	266	+61	491	440	+51	669	520	+149	1.065	966	+99	1.646	1.431	+215
Nhóm 1	143	180	-37	179	266	-87	225	282	-57	376	572	-196	534	838	-304
Nhóm 2	217	224	-7	288	358	-70	368	411	-43	559	602	-43	918	1.108	-190
Nhóm 3	274	256	+18	385	375	+10	512	428	+84	748	865	-117	1.230	1.262	-32
Nhóm 4	352	326	+26	521	524	-3	720	558	+162	1.006	111	-105	1.636	1.956	-320
Nhóm 5	648	443	+205	1.081	671	+410	1.520	915	+605	2.630	1.675	+955	3.900	1.983	+1.916

3. Phân hoá giàu nghèo giữa các nhóm dân cư tỉnh Bắc Ninh

Tốc độ tăng thu nhập khác nhau giữa 5 nhóm thu nhập làm khoảng cách thu nhập giữa các nhóm ngày càng rộng, khiến cho phân hóa

giàu nghèo theo xu hướng tăng. Năm 2010 thu nhập bình quân 1 người 1 tháng của nhóm hộ giàu nhất đã gấp 7,3 lần thu nhập của nhóm hộ nghèo nhất. Tuy nhiên, khoảng cách chênh lệch này của Bắc Ninh thấp hơn so với khoảng cách chung của Vùng Đồng bằng sông Hồng và của cả nước (xem Biểu 4).

Nếu phân tích sâu hơn, nghĩa là chia các hộ

dân cư ra 10 nhóm thì thu nhập của nhóm 1 (nghèo nhất) là 419 ngàn đồng, nhóm 10 (giàu nhất) là 5.556 ngàn đồng chênh lệch giữa nhóm 10 so với nhóm 1 là 13,3 lần (năm 2002 là 7,1 lần, năm 2004 là 9,9 lần, năm 2006 là 10,1 lần, năm 2008 là 12,6 lần). Như vậy, thu nhập bình quân đầu người của nhóm giàu và nhóm nghèo có sự chênh lệch khá lớn và ngày càng gia tăng.

Biểu 4. Mức độ phân hoá giàu nghèo ở tỉnh Bắc Ninh qua các năm

	ĐV tính	2002	2004	2006	2008	2010
TNBQ chung của Bắc Ninh	1000 đ	327	491	669	1.065	1.646
Nhóm 1	”	143	179	225	376	534
Nhóm 2	”	217	288	368	559	918
Nhóm 3	”	274	386	512	748	1.230
Nhóm 4	”	352	521	720	1.006	1.636
Nhóm 5	”	648	1.081	1.520	2.630	3.900
Chênh lệch TN giữa nhóm 5 với nhóm 1						
Bắc Ninh	Lần	4,5	6,0	6,8	7,0	7,3
Cả nước	Lần	8,1	8,3	8,4	8,9	9,2
Đồng bằng Sông Hồng	Lần	6,9	7,0	7,1	7,6	8,0

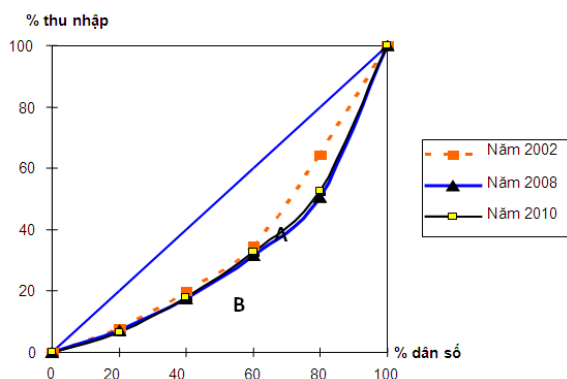
Chênh lệch thu nhập và phân hoá giàu nghèo trong dân cư còn được nhận biết, phân tích qua đường cong Loren, hệ số GINI và tiêu chuẩn “40%”, là các chỉ tiêu thống kê, có tính tổng hợp và tính so sánh quốc tế.

Đường cong Loren là một loại đồ thị dùng để biểu thị mức độ bất bình đẳng trong phân phối. Khi nghiên cứu phân phối thu nhập của hộ gia đình, đường cong Loren biểu thị quan hệ giữa tỷ lệ phần trăm số hộ gia đình và tỷ lệ phần trăm thu nhập của các hộ đó. Trên đồ thị, trục hoành biểu thị tỷ lệ phần trăm cộng dồn của số hộ gia đình từ 0% đến 100% được sắp xếp theo thứ tự thu nhập tăng dần và trục tung biểu thị tỷ lệ phần trăm cộng dồn thu nhập của các hộ gia đình từ 0% đến 100%.

Do các hộ gia đình được sắp xếp theo thứ tự từ hộ có thu nhập thấp nhất đến hộ có thu nhập cao nhất nên tỷ lệ phần trăm cộng dồn số hộ gia đình luôn luôn lớn hơn phần trăm cộng dồn thu nhập tương ứng của hộ, vì vậy đường cong Loren luôn nằm dưới đường nghiêng 45⁰ và có mặt lõm hướng lên trên. Do có sự biến động nhưng chênh lệch số liệu hàng năm không lớn nên biểu hiện trên đồ thị về đường cong Loren ở các năm khảo sát gần nhau rất sát nhau và chỉ thấy rõ với thời gian xa hơn (Xem đường cong Loren năm 2002, 2008 và năm 2010).

Đường cong Loren càng lõm, sự bất bình đẳng càng cao. Nếu tất cả các hộ gia đình có mức thu nhập giống nhau, khi có đường cong Loren trùng với đường nghiêng 45⁰ và được gọi là bình đẳng tuyệt đối.

Đường cong Loren năm 2002, 2008 và năm 2010



Hệ số GINI được tính bằng cách, lấy diện tích phần nằm giữa đường cong Loren và đường nghiêng 45° (A) chia cho tổng diện tích nằm dưới đường nghiêng 45° (A+B). Khi đường cong Loren trùng với đường nghiêng 45° (đường bình đẳng tuyệt đối) thì hệ số GINI bằng 0 (vì A=0), xã hội có sự phân phối bình đẳng tuyệt đối. Nếu đường cong Loren trùng với trục hoành, hệ số GINI bằng 1 (vì B=0), xã hội có sự phân phối bất bình đẳng tuyệt đối. Vì vậy, hệ số GINI luôn nằm trong khoảng $0 \leq \text{GINI} \leq 1$.

Hệ số GINI bằng 0 là không có sự chênh lệch. Hệ số GINI càng tiến dần đến 1 thì sự chênh lệch càng tăng và bằng 1 khi có sự chênh lệch tuyệt đối. Có nghĩa là hệ số GINI càng nhỏ thì sự bất bình đẳng trong phân phối càng ít và ngược lại.

Trên cơ sở số liệu thu nhập của 5 nhóm dân cư, cuộc khảo sát mức sống dân đã đưa ra được hệ số GINI năm 2002, 2004, 2006, 2008 và 2010 với các chỉ số tương ứng 0,293; 0,332; 0,352; 0,373 và 0,363 (Chỉ số này tính cho toàn quốc là 0,418; 0,42; 0,42; 0,43 và 0,43).

Với ý nghĩa nêu trên, đường cong Loren giúp ta nhận biết bằng trực giác tính chất và sự khác nhau về bất bình đẳng trong phân phối, còn hệ số GINI cho phép xác định mức độ bất bình đẳng đó đến đâu, với số cụ thể là bao nhiêu.

Qua các số liệu và đồ thị trên cho thấy năm 2010 mặc dù mức chênh lệch thu nhập giữa nhóm giàu nhất và nghèo nhất ngày một gia tăng song

mức độ phân hoá giàu nghèo giữa các nhóm thu nhập hợp lý và bình đẳng hơn năm 2008; Tuy nhiên, xu hướng chung thời kỳ 2002-2010 hiện tượng phân hoá giàu nghèo hay sự chênh lệch thu nhập giữa các nhóm dân cư ngày một gay gắt hơn. Hiện tượng này xảy ra không chỉ ở Bắc Ninh mà có ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Tiêu chuẩn “40%” của Ngân hàng Thế giới xét tỷ trọng của 40% dân số có thu nhập thấp trong tổng thu nhập của toàn bộ dân cư. Tỷ trọng này nhỏ dưới 12% là có sự bất bình đẳng cao về thu nhập, nằm trong khoảng từ 12% - 17% là có sự bất bình đẳng vừa và trên 17% là có sự bình đẳng tương đối.

Tỷ trọng này ở Bắc Ninh tính theo số hộ năm 2002 là 20,7%, năm 2004 là 19,0%, năm 2006 là 20,5%, năm 2008 là 17,6% và năm 2010 là 17,7%. Theo tiêu chuẩn này thì Bắc Ninh có phân bố thu nhập trong dân cư vẫn ở mức tương đối bình đẳng và đang có xu hướng tăng lên bất bình đẳng vừa. Tỷ trọng này trên toàn quốc: năm 2002 là 17,98%, năm 2004 là 17,4%, năm 2006 là 17,4%, năm 2008 là 16,4% và năm 2010 là 15%. Như vậy, phân bố thu nhập trong dân cư của Bắc Ninh bình đẳng hơn so toàn quốc.

4. Một số vấn đề đặt ra

Trên cơ sở khai thác và phát huy tốt các tiềm năng, thế mạnh, kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh phát triển ổn định với nhịp độ cao. Vì vậy, thu nhập của các tầng lớp dân cư tiếp tục tăng khá, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo giảm nhanh; việc chi tiêu và thụ hưởng từ các hoạt động được nâng lên. Mặt khác, sau nhiều năm phát triển kinh tế - xã hội cả bề rộng lẫn bề sâu, cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động đã chuyển dịch nhanh theo xu hướng công nghiệp hóa, cơ cấu nguồn thu nhập của các hộ gia đình có nhiều thay đổi tích cực, chất lượng cuộc sống của người dân được nâng lên, khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn có xu hướng thu hẹp. Tuy nhiên, mức sống vẫn có sự cách biệt khá lớn và ngày càng tăng giữa nhóm dân cư giàu và nghèo; hiệu quả phát triển kinh tế gắn với nâng cao mức sống mỗi hộ gia đình chưa

tương xứng với qui mô, tốc độ phát triển kinh tế - xã hội; vệ sinh môi trường sống nhiều vùng nông thôn và làng nghề còn nhiều bức xúc,.... đây là những vấn đề lớn, đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền, các nhà hoạch định chính sách của tỉnh cần tiếp tục quan tâm, đề ra chủ trương, chính sách, các giải pháp giải quyết có hiệu quả những vấn đề nêu trên qua từng năm hướng tới mục tiêu Nghị quyết Đại hội tỉnh đảng bộ lần thứ XVIII là

đến 2015 Bắc Ninh cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp là hoàn toàn khả thi./.

Tài liệu tham khảo:

- Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình các năm 2002, 2004, 2006, 2008, 2010;
- Niên giám thống kê 2010;
- Bắc Ninh số liệu thống kê chủ yếu thời kỳ 1997-2011

